

Bản án số: 35/2024/KDTM-ST

Ngày: 20/8/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Bích Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Vô
2. Ông Đoàn Hồng Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Nguyễn Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:** Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/KTST ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2024/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V1 (V2)

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh Đ

Địa chỉ: Tầng A, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 4605/2024/UQN-PGD ngày 08/7/2024).

Ông Nguyễn Thanh Đ có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH T2

Địa chỉ: Số H N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1984*

*Địa chỉ thường trú: Số A đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định*

*Địa chỉ hiện tại: Số A đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Địa chỉ liên lạc: Số C đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1984*

*Địa chỉ thường trú: Số A đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định*

*Địa chỉ hiện tại: Số A đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Địa chỉ liên lạc: Số C đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V1 (gọi tắt là V2) theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án có người đại diện hợp pháp trình bày:*

Công ty TNHH T2 đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V1 (V3) – V3 chi nhánh Q với mục đích Bổ sung vốn lưu động hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu theo Hợp đồng vay tín hạn mức số Q11/22368 ngày 26/5/2022 với các nội dung như sau:

| <b>Khế ước<br/>nhận nợ số</b>                 | <b>Số tiền<br/>vay<br/>(đồng)</b> | <b>Thời<br/>hạn<br/>vay</b> | <b>Lãi suất/năm</b>                                                       | <b>Ngày giải<br/>ngân</b> | <b>Ngày đến<br/>hạn</b> | <b>Mục đích<br/>vay</b>                                                           |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Lần: 01/số:<br>Q11/22368<br>ngày<br>26/5/2022 | 950.000.0<br>00 đồng              | 12<br>tháng                 | Tại thời điểm<br>giải ngân là<br>17.5%/năm,<br>điều chỉnh 01<br>tháng/lần | 26/5/2022                 | 26/5/2023               | Bổ sung<br>vốn lưu<br>động hoạt<br>động y tế<br>khác chưa<br>được phân<br>vào đâu |
| <b>Tổng cộng</b>                              | <b>950.000.000 đồng</b>           |                             |                                                                           |                           |                         |                                                                                   |

Khoản vay này được bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Hữu V theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22369 ký ngày 26/5/2022. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH T2 không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V2 đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty TNHH T2 để

yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH T2 cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP V1 (V2) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH T2 phải trả ngay một lần cho V2 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 20/3/2023 là 648.484.803 đồng (Sáu trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm lẻ ba đồng), bao gồm: nợ gốc là 570.950.431 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu chín, trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng), nợ lãi là 77.534.372 đồng (Bảy mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng)

2. Công ty TNHH T2 vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số Q11/22368 ngày 21/3/2023, Khế ước nhận nợ lần 1 số: Q11/22368 ngày 26/5/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ cho V2.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông Nguyễn Hữu V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22369 ngày 26/5/2022.

*Bị đơn – Công ty TNHH T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Hữu V: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có ý kiến.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh Đ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc Công ty TNHH T2 phải trả ngay một lần cho V2 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 20/8/2024 là 886.441.140 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, một trăm bốn mươi đồng), bao gồm: nợ gốc là 570.950.431 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng), nợ lãi trong hạn là 15.770.484 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 296.976.593 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng), nợ lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 2.743.632 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

2. Đồng thời, Công ty TNHH T2 vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V2.

3. Trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu của V2 thì ông Nguyễn Hữu V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22369 ngày 26/5/2022.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V1 khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH T2 thanh toán nợ gốc và lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng, là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có trụ sở tại Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là Công ty TNHH T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu Công ty TNHH T2 thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số Q11/22368 ngày 26/5/2022:

[3.1.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100233583 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp. Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số Q11/22368 ngày 26/5/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 với Công ty TNHH T2 trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia ký kết đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được xác lập bằng văn bản thể hiện cụ thể thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ,... phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số Q11/22368 ngày 26/5/2022 và các Khế ước nhận nợ đính kèm được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Hữu V thông qua Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22369 ngày 26/5/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 và ông Nguyễn Hữu V.

Thực hiện hợp đồng, ngày 26/5/2022, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ lần 01 số Q11/22368 ngày 26/5/2022 cho bị đơn; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 17,5%/năm; lãi suất được cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo quy định của V2, với công thức: lãi suất điều chỉnh = biên độ (cố định 10,3%/năm) + lãi suất bán vốn.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 434.830.161 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi nghìn, một trăm sáu mươi một đồng), bao gồm: số tiền gốc là 379.049.569 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi chín đồng), số tiền lãi là 55.780.592 (Năm mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 25/11/2022. Nợ gốc còn thiếu là 570.950.431 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng).

Xét thấy, khi ký kết hợp đồng, các bên đã thỏa thuận rõ ràng với nhau về số tiền vay, thời hạn trả nợ, phương thức trả... nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 của Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ ngày 26/5/2022 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền nợ gốc là 570.950.431 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng) là đúng với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[3.1.2] Đối với yêu cầu thanh toán lãi phát sinh:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N) quy định: “*1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng N. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”, như vậy tại Điều 1 của Khế ước nhận nợ lần 01 số Q11/22368 ngày 26/5/2022 các bên thỏa thuận:

“a) *Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,5%/năm, (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày)*

b) *Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh từ ngày 26/6/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,3%/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”)*”.

Từ ngày 26/4/2023 đến ngày 20/8/2024, đối với Khế ước nhận nợ lần 01 số Q11/22368 ngày 26/5/2022 thì lãi suất trong hạn là 19,7%/năm, lãi suất quá hạn là 29,55%/năm.

Bên cạnh đó, tại khoản 4 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số Q11/22368 ngày 26/5/2022 các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lãi (tạm tính đến ngày 20/8/2024) tổng cộng là 315.490.709 đồng (Ba trăm mười lăm triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng), bao gồm lãi trong hạn là 15.770.484 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 296.976.593 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng), lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 2.743.632 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty TNHH T2 vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP V1. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều

chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3.2] Như vậy, bị đơn – Công ty TNHH T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/8/2024 là: 886.441.140 đồng (T tám tám mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, một trăm bốn mươi đồng), bao gồm: nợ gốc là 570.950.431 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng), lãi trong hạn là 15.770.484 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 296.976.593 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng), lãi chậm trả trên lãi trong hạn là 2.743.632 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

Xét nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP V1 thì ông Nguyễn Hữu V có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ dư nợ cho Ngân hàng TMCP V1 theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22369 ngày 26/5/2022. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Hữu V và Ngân hàng TMCP V1 lập Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22369 ngày 26/5/2022 trên cơ sở tự nguyện, ông V ký Hợp đồng bảo lãnh với tư cách cá nhân đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh, phạm vi bảo lãnh là toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí.....Vậy nên Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22369 ngày 26/5/2022 nêu trên là hợp pháp theo quy định tại Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hữu V có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ dư nợ cho Ngân hàng TMCP V1 trong trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn – Công ty TNHH T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định pháp luật; Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V1 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 21, 26, 30, 35, 39, 271, 273, 277 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 335, Điều 336, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V1.

1. Buộc Công ty TNHH T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 20/8/2024 là: 886.441.140 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, một trăm bốn mươi đồng), bao gồm: nợ gốc là 570.950.431 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng), lãi trong hạn là 15.770.484 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 296.976.593 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng), lãi trên nợ lãi chưa trả là 2.743.632 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/22368 ngày 26/5/2022 và Khế ước nhận nợ lần 01 số Q11/22368 ngày 26/5/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty TNHH T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 thì ông Nguyễn Hữu V có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ dư nợ cho Ngân hàng TMCP V1 theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22369 ngày 26/5/2022.

### 3. Về án phí:

- Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.969.696 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0010652 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 38.593.234 đồng (Ba mươi tám triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng).

**4. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**5. Trường hợp bản án quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

**THẨM PHÁN**

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Bích Trâm**